TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 46/2019/QĐST - HNGĐ	*N, ngày 11 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT Đ
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2019/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Hữu T – Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Hồ Thị Đ – Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản nghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT Đ:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Hữu T và chị Hồ Thị Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về hôn nhân:* Anh Lê Hữu T và chị Hồ Thị Đ đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh, chị kết hôn với nhau vào ngày 14/9/2005, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã B, huyện N cấp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không ai bị lừa dối, ép buộc. Trong quá trình chung sống giữa anh T và chị Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã, xúc phạm nhau. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan

tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cả anh T và chị Đ đều thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Anh Lê Hữu T và chị Hồ Thị Đ đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Trong quá trình chung sống vợ chồng không ai có con riêng và có với nhau 02 con chung.

Cháu đầu tên là: Lê Thị Thủy A - Giới tính: Nữ - Sinh ngày: 23/02/2006; Cháu thứ hai tên là: Lê Thái B - Gới tính: Nam - Sinh ngày: 20/9/2009. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng chị Đ (Mẹ đẻ các cháu) tại thôn 1, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh Lê Hữu T và chị Hồ Thị Đ cùng hai cháu Lê Thị Thủy A và Lê Thái B đều có ý kiến chung, thống nhất là: Giao cả hai cháu Lê Thị Thủy A và Lê Thái B cho chị Hồ Thị Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh Lê Hữu T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu một tháng = 1.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu, cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 15/6/2019.

Anh Lê Hữu T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này và anh có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con theo quy Đ.

* *Về tài sản và các nghĩa vụ chung:* Anh Lê Hữu T và chị Hồ Thị Đ đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Vợ chồng không có tài sản và công nợ gì nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

* *Về án phí:* Anh Lê Hữu T và chị Hồ Thị Đ đều có ý kiến chung, cùng thống nhất: Anh Lê Hữu T chịu 150.000 đồng tiền án phí DS- HNGĐ sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí DSST không giá ngạch và là người phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Tổng cộng anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí nhưng hiện tại anh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003399, ngày 24 tháng 5 năm 2019. Như vậy anh T đã nộp đủ án phí.

Chị Hồ Thị Đ không phải chịu tiền án phí DS-HNGĐ sơ thẩm.

3. Quyết Đ này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chị cục THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã B, huyện N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn